

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4891 /BTC-TCNH

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2024

V/v xin ý kiến đối với dự thảo
Thông tư hướng dẫn một số điều của
Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày
26/4/2023 của Chính phủ về thành
lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ
Hỗ trợ nông dân

Kính gửi:

Ngày 24/6/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2023/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2023/NĐ-CP).

Triển khai thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP nêu trên (*dự thảo Thông tư gửi kèm*).

Đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến bằng văn bản và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 01/6/2024 (đồng thời gửi bản điện tử vào Email: leminhtrang@mof.gov.vn) để Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Thông tư trước khi ban hành theo quy định.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ với Bà: Lê Minh Trang, điện thoại 024.2220.28.28 (số máy lẻ: 7083), di động: 0983.327.678.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Lưu: VT, TCNH (L.M.Trang 70b) ✓

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi
Nguyễn Đức Chi

BỘ TÀI CHÍNH

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

(V/v xin ý kiến về dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân)

STT	Nơi nhận công văn
1	UBND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
2	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Bộ Nội vụ
5	Bộ Tư pháp
6	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
7	Kiểm toán Nhà nước
8	Hội Nông dân Việt Nam
9	Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam
10	Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương
11	Các Quỹ Hỗ trợ nông dân địa phương

Số: /2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP
ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ nông dân**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền
địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 04 năm 2023 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của
Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành
lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về cơ chế quản lý tài chính; đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân (sau đây viết tắt là Nghị định số 37/2023/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

2. Hội Nông dân Việt Nam.
3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Chương II

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

Điều 3. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Việc đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng, khấu hao, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định (ngoài trụ sở làm việc và các tài sản cố định khác đã được Hội Nông dân bố trí) của Quỹ áp dụng theo quy định của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Đối với các nội dung liên quan đến thẩm quyền quyết định của đại diện chủ sở hữu áp dụng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân báo cáo Ban Thường vụ Hội nông dân cùng cấp xem xét phê duyệt.

2. Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản lý Quỹ cùng cấp ban hành Quy chế quản lý hoạt động đầu tư, mua sắm và quản lý tài sản cố định để triển khai thực hiện.

Điều 4. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập

1. Các khoản thu của Quỹ Hỗ trợ nông dân phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có đầy đủ hóa đơn hoặc chứng từ hợp lý, hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào thu nhập của Quỹ.

2. Đối với thu lãi từ hoạt động cho vay, Quỹ Hỗ trợ nông dân có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo đúng quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán như sau:

a) Quỹ hạch toán số lãi phải thu phát sinh trong kỳ vào thu nhập đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo quy định của pháp luật.

b) Đối với số lãi phải thu của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và số lãi phải thu phát sinh trong kỳ của khoản nợ còn lại thì không hạch toán thu nhập, Quỹ thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

3. Đối với thu lãi tiền gửi: là số lãi phải thu từ tiền gửi phát sinh trong kỳ.

4. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì hạch toán giảm thu nhập nếu cùng kỳ kế toán, hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và

theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì Quỹ hạch toán vào thu nhập.

5. Đối với các khoản thu từ hoạt động khác, thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Việc xác định doanh thu của Quỹ cho mục đích tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 5. Thu nhập

Thu nhập của Quỹ là khoản phải thu phát sinh trong kỳ, bao gồm:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Thu lãi cho vay;
 - b) Thu từ dịch vụ nhận ủy thác cho vay;
 - c) Các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ.
2. Thu từ hoạt động tài chính:
 - a) Thu lãi tiền gửi;
 - b) Thu từ chênh lệch tỷ giá (nếu có);
 - c) Thu từ hoạt động tài chính khác.
3. Các khoản thu khác:
 - a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản;
 - b) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;
 - c) Chênh lệch các khoản thu bảo hiểm được bồi thường đền bù tổn thất tài sản sau khi thực hiện bù đắp tổn thất;
 - d) Thu nợ đã xóa thu hồi được;
 - đ) Thu từ nợ đã chuyển ngoại bảng/xuất toán;
 - e) Thu hoàn nhập dự phòng;
 - g) Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế;
 - h) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc ghi nhận và quản lý chi phí

1. Chi phí được ghi nhận vào chi phí hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc quản lý chi phí:

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân xây dựng và trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có định mức chi phù hợp cho từng giai đoạn đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Đối với các khoản chi không đúng chế độ, các khoản chi vượt định mức tại quy chế chi tiêu nội bộ, Quỹ phải xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan để trình cấp có thẩm quyền quyết định phương án bồi hoàn theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các khoản chi đã được Hội Nông dân các cấp chi trả thì không được ghi nhận vào chi phí hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp.

3. Việc xác định chi phí của Quỹ cho mục đích tính thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 7. Chi phí

Chi phí của Quỹ là các khoản phải chi phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của Quỹ, bao gồm:

1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ:

a) Chi hoạt động cho vay;

b) Chi phí liên quan đến dịch vụ ủy thác;

c) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay theo quy định;

d) Chi chênh lệch tỷ giá (nếu có);

đ) Chi mua bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm nghiệp vụ khác theo quy định;

e) Chi để thu hồi các khoản nợ đã sử dụng dự phòng, thu hồi nợ xấu.

g) Các khoản chi khác từ hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

2. Chi hoạt động bộ máy

a) Chi cho cán bộ, người lao động:

- Chi tiền lương, phụ cấp lương cho người lao động và người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý của Quỹ hỗ trợ nông dân;

- Chi phụ cấp cho các chức danh kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP. Mức chi cụ thể được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Chi các khoản đóng góp theo lương gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn con người, kinh phí công đoàn; chi ăn ca; chi bảo hộ lao động đối với những đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc; chi trang phục giao dịch; chi cho lao động nữ; và các khoản chi

khác cho người lao động áp dụng theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ:

- Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo cán bộ Quỹ Hỗ trợ nông dân, chi công tác phí cho cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ Hỗ trợ nông dân đi công tác trong và ngoài nước theo quy định của Nhà nước đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Chi điện, nước, điện thoại, internet, bưu phí, vật liệu, giấy in, văn phòng phẩm; chi tư vấn liên quan đến hoạt động của Quỹ, chi dịch vụ thanh toán, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi cộng tác viên, chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; chi thường sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, chi cho công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ cơ quan; chi y tế, chi xăng dầu, chi phòng cháy chữa cháy, chi phương tiện vận chuyển, chi tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị; chi lễ tân, khánh tiết theo quy định của pháp luật.

Sau khi chế độ tiền lương mới của cán bộ công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo được ban hành, Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện chi các khoản ngoài lương theo quy định của pháp luật.

c) Chi đầu tư, mua sắm tài sản gồm: Chi khấu hao tài sản cố định; chi thuê tài sản cố định; chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành tài sản; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản, chi kiểm định phương tiện theo quy định; chi nhượng bán, thanh lý tài sản bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);

d) Các chi phí hoạt động bộ máy khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi nộp thuế, các khoản phí, lệ phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản chi phí khác:

a) Chi trích lập dự phòng tổn thất tài sản (không bao gồm tài sản là các khoản cho vay) và các khoản dự phòng khác áp dụng theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Chi phí xử lý tổn thất tài sản sau khi đã bù đắp bằng các nguồn vốn khác theo quy định;

d) Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

đ) Chi án phí, lệ phí thi hành án và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật;

e) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

5. Định mức chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này (trừ các khoản chi tiền lương, tiền công cho người quản lý, người lao

động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo cán bộ Quỹ Hỗ trợ nông dân, chi công tác phí cho cán bộ, viên chức và người lao động của Quỹ Hỗ trợ nông dân đi công tác trong và ngoài nước), Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Trường hợp pháp luật chưa có quy định hoặc không khống chế mức chi, Quỹ Hỗ trợ nông dân căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ, quyết định việc chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí

1. Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

2. Các khoản chi phạt thuộc trách nhiệm cá nhân do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ vay quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

3. Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ.

4. Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

5. Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác.

6. Các khoản chi vượt định mức theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Phân phối kết quả tài chính

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện phân phối kết quả tài chính theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

2. Mức trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi của Quỹ Hỗ trợ nông dân được căn cứ vào kết quả xếp loại hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại A được trích tối đa không quá 3 tháng tiền lương và phụ cấp của cán bộ, người lao động do Quỹ Hỗ trợ nông dân chi trả cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

b) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương và phụ cấp của cán bộ, người lao động do Quỹ Hỗ trợ nông dân chi trả cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

c) Quỹ Hỗ trợ nông dân xếp loại C được trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương và phụ cấp của cán bộ, người lao động do Quỹ Hỗ trợ nông dân chi trả cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

3. Mức trích quỹ thưởng người quản lý căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

a) Người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện người quản lý;

b) Người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân hoàn thành nhiệm vụ được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện người quản lý;

c) Người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân không hoàn thành nhiệm vụ thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý.

Điều 10. Chế độ báo cáo và công khai tài chính

1. Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

2. Thời gian chốt số liệu:

a) Đối với báo cáo 06 tháng đầu năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 30 tháng 6 năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến hết ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

3. Mẫu biểu Báo cáo:

a) Báo cáo tài chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều 37 Nghị định 37/2023/NĐ-CP gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo tình hình thu chi tài chính: Thực hiện theo quy định tại chế độ kế toán của Quỹ;

b) Báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ: thực hiện theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Báo cáo tình hình hoạt động nghiệp vụ quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 37 Nghị định 37/2023/NĐ-CP:

- Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện gửi báo cáo cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh để tổng hợp theo mẫu tại Phụ lục 2a ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh gửi báo cáo cho Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương để tổng hợp theo mẫu tại Phụ lục 2b ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương tổng hợp gửi báo cáo các cơ quan theo mẫu tại Phụ lục 2c ban hành kèm theo Thông tư này;

4. Phương thức gửi báo cáo:

Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện gửi các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này theo một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;
- c) Gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng dưới hình thức văn bản điện tử (nếu có);
- d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

5. Công khai tài chính:

Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện công khai tài chính theo quy định của Luật ngân sách nhà nước đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định.

Chương III

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN, PHÂN LOẠI NỢ, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY

Điều 11. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và được xác định như sau:

- a) Chỉ tiêu 1: Dư nợ tín dụng.

Dư nợ tín dụng Quỹ chịu rủi ro (bao gồm dư nợ cho vay trực tiếp và dư nợ ủy thác cho vay), được xác định theo phương pháp bình quân năm như sau:

$$\text{Dư nợ tín dụng bình quân tháng} = \frac{\text{Số dư nợ tín dụng đầu tháng} + \text{Số dư nợ tín dụng cuối tháng}}{2}$$

$$\text{Dư nợ tín dụng bình quân năm} = \frac{\text{Tổng số dư nợ tín dụng bình quân tháng của các tháng trong năm}}{12}$$

- b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu.

Tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ giữa số dư nợ xấu Quỹ chịu rủi ro so với tổng dư nợ tín dụng Quỹ chịu rủi ro;

- c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hằng năm.